



PETROLIMEX

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Địa chỉ: Tầng 18&19, 229 Tây Sơn, Q.Đống Đa, TP. Hà Nội

MÔ TẢ SẢN PHẨM

PLC CATER CI-4

Dầu nhờn động cơ xăng và động cơ Diesel turbo tăng áp

MÔ TẢ:

PLC CATER CI-4 là dầu nhờn động cơ cao cấp, dùng cho động cơ xăng và động cơ Diesel turbo tăng áp có tính năng sử dụng cao, được pha chế từ loại dầu gốc có chỉ số độ nhớt cao, phụ gia cải thiện chỉ số độ nhớt làm tăng độ ổn định về cấp độ nhớt cùng với các phụ gia phân tán, tẩy rửa, chống mài mòn, chống ăn mòn, chống oxy hóa... Bảo vệ tối đa động cơ trong điều kiện vận hành khắc nghiệt, giảm thiểu chi phí bảo trì và kéo dài thời gian thay dầu đem lại hiệu quả kinh tế cao cho khách hàng. Dầu đạt cấp độ nhớt SAE: 15W-40, đáp ứng các yêu cầu cấp chất lượng API: CI-4 đối với động cơ Diesel và cấp API : SL đối với động cơ xăng.

- PLC CATER CI-4 đáp ứng tốt các yêu cầu của nhà sản xuất động cơ Volvo VDS, MB 229.1, MAN 271, và CAT...

- PLC CATER CI-4 đáp ứng các tiêu chuẩn:

- ACEA E7 (2012)
- MB 228.3
- MAN 3275
- Global DHD-1
- CAT ECF 1-a đối với cấp độ nhớt 15W40

LỢI ÍCH CHÍNH:

- Tính năng làm sạch tuyệt hảo, bảo vệ tốt động cơ.
- Chống mài mòn tuyệt vời ở điều kiện hoạt động khắc nghiệt.
- Bảo vệ vượt trội chống lại sự suy giảm độ nhớt và biến chất của dầu ở nhiệt độ cao.
- Giúp động cơ dễ dàng khởi động ở mọi điều kiện thời tiết.

ỨNG DỤNG:

- PLC CATER CI-4 được khuyên dùng cho mọi động cơ Diesel turbo tăng áp hoạt động trong điều kiện tải trọng trung bình đến khắc nghiệt như xe đầu kéo, xe tải, xe khách, tàu thuyền... mang đến sự bôi trơn tốt nhất cho các động cơ Diesel turbo tăng áp tốc độ cao hoạt động ở điều kiện khắc nghiệt, yêu cầu cặn trên piston thấp.

CÁC CHỈ TIÊU KỸ THUẬT ĐẶC TRƯNG:

TÊN CHỈ TIÊU	PHƯƠNG PHÁP THỬ	PLC CATER CI-4 SAE : 15W - 40
1. Độ nhớt động học ở 100°C, cSt	ASTM D445	14 ÷ 16
2. Chỉ số độ nhớt, min	ASTM D2270	140
3. Nhiệt độ chớp cháy, °C, min	ASTM D92	220
4. Nhiệt độ đông đặc, °C, max	ASTM D97	Báo cáo
5. Hàm lượng nước, %TT, max	ASTM D95	0,05
6. Đặc tính tạo bọt ở 93,5°C, ml, max	ASTM D892	50/0
7. TBN, mg KOH/g, min	ASTM D2896	9,5
8. Tổng hàm lượng kim loại Ca, Mg, Zn, % KL, min	ASTM D4951	0,1

Trên đây là những số liệu tiêu biểu thông thường được chấp nhận trong sản xuất nhưng không phải là các thông số kỹ thuật cố định.

BAO BÌ: Phuy 209L, Xô 18L, Thùng 18L, 25L

BẢO QUẢN:

- Tất cả các bao bì chứa sản phẩm phải được để trong nhà kho có mái che để tránh nước mưa thấm thấu vào và không bị xoá mất các thông tin ghi trên nhãn sản phẩm.

- Không để nơi nhiệt độ lên đến 60°C hoặc nơi mặt trời chiếu nắng trực tiếp hoặc nơi quá lạnh.

SỨC KHOẺ, AN TOÀN, MÔI SINH:

- Dầu không gây tác hại lớn cho sức khoẻ và an toàn nhưng cần được bảo quản và sử dụng cẩn thận theo đúng chỉ dẫn về vệ sinh. Tránh hít phải và để tiếp xúc lâu dài với da.

- Tránh để tiếp xúc trực tiếp với mắt.

- Tránh xa tia lửa và các chất dễ cháy.

- PLC không chịu trách nhiệm khi sản phẩm được sử dụng không đúng hướng dẫn, mục đích và không áp dụng biện pháp phòng ngừa.

Mọi chi tiết về an toàn xin đề nghị liên hệ với Văn phòng của PLC.